

Số: 1116/QĐ-LTT-CTCT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 10 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH

Xét cấp học bổng khuyến khích học tập Học kỳ II/2017-2018
Bậc đào tạo: Cao đẳng – Khóa 2017

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG TP. HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Quyết định số 621/QĐ-BGD&ĐT-TCCB ngày 03 tháng 02 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc thành lập Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1130/QĐ-LĐTBXH ngày 17 tháng 7 năm 2017 của Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc đổi tên Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng thành Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 1716/QĐ-UBND ngày 04 tháng 4 năm 2011 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc ủy quyền cho Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quản lý Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Thông tư số 46/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội về việc ban hành Điều lệ trường cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 72/QĐ-LTT-TC ngày 22 tháng 01 năm 2018 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Quyết định số 70/2008/QĐ-BLĐTBXH ký ngày 30 tháng 12 năm 2008 về học bổng khuyến khích học nghề của Bộ Trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Thông tư số 31/2013/TT-BGDĐT ngày 01 tháng 8 năm 2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về sửa đổi bổ sung khoản 3 điều 2 Quyết định số 44/2007/QĐ-BGDĐT ngày 15 tháng 8 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 1322/QĐ-LTT-KHTC ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Trường Cao đẳng Lý Tự Trọng Thành phố Hồ Chí Minh về việc Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ năm 2018;

Căn cứ vào điểm trung bình chung học tập và kết quả rèn luyện HKII/2017-2018;

Căn cứ vào Tờ trình đề xuất phương án chi học bổng khuyến khích học tập Học kỳ II năm học 2017-2018 của phòng Kế hoạch – Tài chính ngày 28 tháng 9 năm 2018;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Công tác Chính trị - Học sinh Sinh viên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Xét cấp học bổng khuyến khích học tập HKII/2017-2018 cho 52 sinh viên Khóa 2017 – Bậc đào tạo: Cao đẳng, đạt điểm chuẩn học bổng khuyến khích học tập;

- Học bổng loại Giỏi có điểm TBCHT ≥ 8.00 và KQRL ≥ 80 = 13 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.50 và KQRL ≥ 70 = 36 SV;
- Học bổng loại Khá có điểm TBCHT ≥ 7.00 và KQRL ≥ 83 = 03 SV;

Tiêu chuẩn học bổng: Chỉ lấy điểm thi, kiểm tra hết môn học lần thứ nhất. Trong đó không có điểm thi, kiểm tra và tổng kết môn học < 5 , không bị kỷ luật từ mức khiển trách trở lên và kết quả rèn luyện từ khá trở lên trong học kỳ II (có danh sách kèm theo).

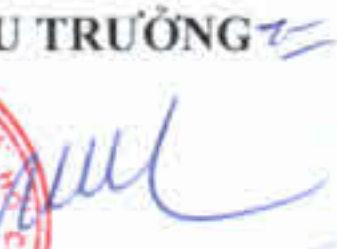
Điều 2. Những sinh viên có tên trong danh sách được nhận 05 tháng học bổng theo quy định hiện hành và nhận trong HKI/2018-2019, với các mức học bổng như sau:

- Mức học bổng loại Giỏi = 475.000đ/tháng/SV;
- Mức học bổng loại Khá = 300.000đ/tháng/SV.

Điều 3. Các Ông (Bà) Trưởng phòng, khoa, cổ vấn học tập và những sinh viên có tên trong danh sách chịu trách nhiệm thi hành quyết định này. //

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (để thực hiện);
- Ban Giám hiệu (để b/c);
- Lưu: VT, P.CTCT.

HIỆU TRƯỞNG 

Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Khoá 2017 Cao đẳng (2N)
Mã ĐV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)

Học kỳ II năm học 2017-2018

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đổi tương	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	1	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Châu Hữu	Khánh	17001815	17C1-CN09	8.77	94	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
2	Võ Thị Kim	Chi	17003919	17C1-QTD1	8.75	81	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
3	Đặng Thủy	Nga	17000554	17C1-CNM1	8.45	85	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
4	Võ Trần Quốc	Việt	17002532	17C1-ĐĐT2	8.35	87	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
5	Vân Thị Đan	Phượng	17004533	17C1-QTD1	8.27	87	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
6	Phạm Hoàng	Liêm	17001040	17C1-CN03	8.23	90	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
7	Trần Văn	Quang	17003090	17C1-CN013	8.18	89	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
8	Đặng Thị Kiều	Thu	17003506	17C1-CNM2	8.18	88	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
9	Phan Minh	Tài	17003337	17C1-CKL1	8.16	82	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
10	Vi Quang	Đạt	17000107	17C1-CN01	8.12	88	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
11	Trần Quang	Huy	17000771	17C1-CCK1	8.09	80	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
12	Tiểu Tuấn	Thanh	17000112	17C1-CN01	8.06	98	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
13	Lương Minh	Son	17001313	17C1-CN05	8.01	88	Giỏi	2.375.000	2.375.000				2.375.000	
	Cộng =		13										30.875.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Ba mươi triệu tám trăm bảy mươi lăm ngàn đồng chẵn)

Người lập

Hoàng Ngọc Cảnh

Kế toán trưởng

Nguyễn Kinh

Ngày 11 tháng 10 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị

Phạm Hữu Lộc

UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRƯỜNG CAO ĐẲNG LÝ TỰ TRỌNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Khóa 2017 Cao đẳng (2N)
Mã DV có QH với NS: 1058083

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢNG THANH TOÁN HỌC BỔNG (SINH HOẠT PHÍ)
Học kỳ II năm học 2017-2018

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đổi tượng	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	I	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
1	Bùi Thị Thu	Hiền	17004394	17C1-CNM2	8.64	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
2	Nguyễn Thị	Châu	17004043	17C1-CNM2	8.46	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
3	Nguyễn Huỳnh Mẫn	Thị	17004074	17C1-NNA1	8.43	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
4	Cao Minh	Huy	17004080	17C1-NNA1	8.17	74	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
5	Nguyễn Hồng	Phấn	17000073	17C1-CNM1	8.16	75	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
6	Nguyễn Tuấn	Duy	17000779	17C1-VSL1	8.16	72	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
7	Lê Nhật	Linh	17000406	17C1-TKW1	8.12	75	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
8	Huỳnh Thị Như	Hà	17002870	17C1-CNM1	8.10	77	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
9	Võ Thị Cẩm	Tú	17002602	17C1-CNM1	8.05	73	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
10	Lê Ngọc	Uyên	17003779	17C1-KTD1	8.01	78	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
11	Nguyễn Ngọc Quế	Cẩm	17003807	17C1-KTD1	7.99	71	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
12	Nguyễn Hoàng	Đông	17000436	17C1-CNÔ1	7.95	71	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
13	Trần Văn	Huy	17003562	17C1-CMT2	7.95	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
14	Võ Thị Anh	Thư	17001032	17C1-CNM1	7.91	74	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
15	Trần Ngọc	Hải	17003677	17C1-TĐH1	7.90	77	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
16	Đàm Quốc	Bảo	17002422	17C1-CKL1	7.89	72	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
17	Ninh Công	Minh	17003221	17C1-LTM2	7.77	72	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
18	Nguyễn Quang	Huy	17001068	17C1-CNÔ3	7.71	88	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
19	Trần Ngọc	Sơn	17000987	17C1-CNÔ3	7.71	83	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
20	Lê Minh	Nhật	17003177	17C1-NNA1	7.71	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
21	Nguyễn Vĩnh	Nghi	17000897	17C1-CNÔ2	7.70	80	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	



Chữ ký

Số TT	Họ và tên		Mã số	Lớp	ĐIỂM TBCHT	KQRL	Đổi tương	Mức học bổng (sinh hoạt phí)	Tổng số học bổng (sinh hoạt phí) được hưởng	Các khoản phải khấu trừ			Số còn được lĩnh	Ký nhận
												Tổng số		
A	B		C				D	I	4	5	6	7	8 = 4 - 7	E
22	Lương Thế	Huy	17001059	17C1-CNÔ3	7.69	90	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
23	Hồ Thị Yên	Nhi	17002397	17C1-CNMI	7.67	75	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
24	Phan Văn	Khánh	17000313	17C1-CNÔ1	7.66	80	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
25	Huỳnh Anh	Phúc	17000146	17C1-TKW1	7.60	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
26	Nguyễn Thị Hồng	Ánh	17001522	17C1-CNMI	7.59	70	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
27	Phan Lê Quốc	Dũng	17000312	17C1-CNÔ1	7.57	76	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
28	Huỳnh Thị Lệ	Quyên	17001310	17C1-CNMI	7.56	93	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
29	Lê Hồng	Mạnh	17001020	17C1-CNÔ3	7.55	83	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
30	Võ Đại	Việt	17003835	17C1-CKL1	7.55	82	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
31	Nguyễn Quang	Thạch	17003140	17C1-CNÔ13	7.55	82	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
32	Nguyễn Công	Hoàng	17000982	17C1-CNÔ3	7.55	80	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
33	Lê Thiết	Minh	17000755	17C1-ĐCN1	7.52	75	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
34	Nguyễn Văn Phi	Long	17001558	17C1-CNÔ7	7.51	81	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
35	Nguyễn Quốc	Hữu	17001701	17C1-CNÔ9	7.50	84	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
36	Phạm Thanh	Phúc	17003853	17C1-CCK8	7.50	73	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
37	Võ Văn	Thành	17001041	17C1-CNÔ3	7.31	88	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
38	Trần Thị Thúy	Tiên	17001420	17C1-CNMI2	7.16	85	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
39	Trần Thị Mỹ	Tiên	17003773	17C1-CNMI2	7.27	83	Khá	1.500.000	1.500.000				1.500.000	
	Cộng =		39										58.500.000	

Tổng số tiền (Viết bằng chữ: Năm mươi tám triệu năm trăm ngàn đồng chẵn)

Người lập



Hoàng Ngọc Cảnh

Kế toán trưởng



Nguyễn Kinh

Ngày 11 tháng 10 năm 2018

Thủ trưởng đơn vị



Phạm Hữu Lộc